

Bản án số: 47/2019/HS-PT  
Ngày 28 - 6 - 2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Tám

*Các Thẩm phán:*

Ông Bùi Anh Tuấn

Bà Trần Ngọc Như

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Xuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 38/2019/TLPT-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2019/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

***- Bị cáo có kháng cáo:*** **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1976 tại Hà T. Nơi cư trú: Số 52A, Khóm A, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Giảng viên; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cha là Nguyễn Văn O, sinh năm 1946 và mẹ là Đặng Thị P, sinh năm 1951; có vợ là Lý Nhất T, sinh năm 1979 và 02 người con (với chị Lý Nhất T), lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, (có mặt).

***- Người bào chữa cho bị cáo:*** Ông Đặng Văn Nam, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Đặng Văn Nam thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo:*** Chị Đỗ Thị Khánh L, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Số 157/1, Thiên Hộ D, Khóm K, Phường H, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp, (có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn T và chị Lý Nhất T đến Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, vợ chồng T

và T có hai con chung và sống tại địa chỉ số 52A, Khóm G, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Khoảng đầu năm 2011, bị cáo T được bạn bè giới thiệu nên biết chị Nguyễn Thị Phương Th. Trong thời gian quen biết, bị cáo T đưa ra thông tin là mình chưa có gia đình, còn độc thân, Th tưởng thật nên chung sống với bị cáo như vợ chồng. Khoảng tháng 4/2011, bị cáo và Th tổ chức đám cưới tại nhà của Th theo phong tục tập quán truyền thống. Sau đám cưới, gia đình Th yêu cầu bị cáo phải đi đăng ký kết hôn, biết không thể đăng ký kết hôn được nên bị cáo nhờ Trần Thanh B (không rõ nhân thân), làm nghề chạy xe ôm ở bến xe Cao L, tỉnh Đồng Tháp, làm giả giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (giấy độc thân) với giá 2.000.000 đồng. Ngày 21/6/2011, bị cáo sử dụng giấy xác nhận này cùng với Th đến Ủy ban nhân dân xã Phú H, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau đăng ký kết hôn và bị cáo sử dụng giấy chứng nhận kết hôn này để đăng ký khai sinh cho con tên Nguyễn Đại T, sinh ngày 19/12/2011. Trong thời gian sinh sống với Th thì bị cáo tiếp tục có mối quan hệ tình cảm như vợ chồng với chị Trần Cẩm D, sinh năm 1990, thì bị Th phát hiện và quyết định ly hôn với bị cáo. Sau ly hôn, bị cáo chung sống như vợ chồng với chị D và có một con chung tên Nguyễn Trần Thanh T, sinh ngày 06/12/2014. Sau đó, D phát hiện bị cáo đã có gia đình hợp pháp nên chủ động chấm dứt mối quan hệ này với bị cáo.

Khoảng tháng 12/2015, bị cáo T quen với chị Đỗ Thị Khánh L, sinh năm 1982 (đã ly hôn). Trong thời gian tìm hiểu, bị cáo đưa thông tin là mình chưa có gia đình, còn độc thân, L tưởng thật nên cả hai chung sống với nhau như vợ chồng và đã có một con chung tên Nguyễn Ngọc Tường L, sinh ngày 09/6/2017. Để đảm bảo hôn nhân hợp pháp, L yêu cầu đăng ký kết hôn, sau nhiều lần hẹn, đến khoảng tháng 04/2016, bị cáo nói dối là có quen biết chỉ cần L cung cấp quyết định ly hôn, giấy chứng minh nhân dân của L thì sẽ đăng ký kết hôn được, L tưởng thật nên làm theo lời bị cáo. Khi đó, bị cáo tiếp tục thuê B làm Giấy chứng nhận kết hôn giả và nhờ B ký thay L, xong việc bị cáo sẽ trả 5.000.000 đồng nên B đồng ý. Sau đó, B đưa cho bị cáo giấy chứng nhận kết hôn giả số 067/Q01/2016 cấp ngày 25/4/2016, có chữ ký và con dấu của Ủy ban nhân dân Phường L, thành phố B. Đến tháng 06/2017, L sử dụng Giấy chứng nhận kết hôn trên đến Ủy ban nhân dân phường K, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp đăng ký khai sinh cho con tên Nguyễn Ngọc Tường L. Quá trình chung sống, L phát hiện bị cáo đã có vợ con hợp pháp và đã chung sống như vợ chồng với nhiều người, có nhiều con riêng cũng bằng thủ đoạn đưa ra thông tin, giấy tờ giả về nhân thân như đã nêu trên để lừa chị và nhiều người khác, nên đã tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo Nguyễn Văn T.

Ngày 05/02/2018, Trường Đại Học B, chuyển đơn tố cáo của chị Đỗ Thị Khánh L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Bạc Liêu để điều tra theo luật định, đồng thời, chị L cũng đã cung cấp các tài liệu liên quan đến hành vi vi phạm của bị cáo cho Cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận giám định số: 91/GĐ-2018 ngày 24/4/2018, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận đối với giấy chứng nhận kết hôn số 067/Q01/2016 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2016:

*1. Chữ ký, chữ viết mang tên “Nguyễn Văn T”*

- *Chữ ký mang tên Nguyễn Văn T dưới mục: “Chồng (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh, kí hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký ra.*

- *Chữ viết mang tên Nguyễn Văn T dưới mục: “Chồng (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A so với chữ viết đứng tên Nguyễn Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh, kí hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người viết ra.*

*2. Chữ ký, chữ viết mang tên “Đỗ Thị Khánh L”*

- *Chữ ký mang tên Đỗ Thị Khánh L dưới mục: “Vợ (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Đỗ Thị Khánh L trên các tài liệu mẫu so sánh, kí hiệu từ M5 đến M7 là không do cùng một người ký ra.*

- *Chữ viết mang tên Đỗ Thị Khánh L dưới mục: “Vợ (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A so với chữ viết đứng tên Đỗ Thị Khánh L trên các tài liệu mẫu so sánh, kí hiệu từ M6 đến M7 là không do cùng một người viết ra.*

*3. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG L TP.B T.BẠC LIÊU” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A so với hình dấu tròn màu đỏ của UBND phường L, thành phố B trên tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M8 không do cùng một con dấu đóng ra.*

Tại Bản kết luận giám định số: 13/GĐ-2019 ngày 05/01/2019, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận đối với chữ ký tên và chữ viết họ và tên của chị Đỗ Thị Khánh L trên giấy chứng nhận kết hôn số 067/Q01/2016 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2016 có phải do bị cáo T ký và viết ra hay không:

*“1. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Đỗ Thị Khánh L trên tài liệu cần giám định, kí hiệu A có phải do Nguyễn Văn T ký ra hay không.*

*2. Chữ viết “Đỗ Thị Khánh L” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A so với chữ viết của Nguyễn Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M1 đến M4 (trừ nội dung “xác nhận” của Khóm G, Phường L, thành phố B trên tài liệu ký hiệu M1) do cùng một người viết ra”.*

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2019/HS-ST ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Căn cứ khoản 1 Điều 267; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm

2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19/4/2019, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu xem xét bị cáo không phạm tội như án sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo không lừa dối chị L vì bị cáo và chị L thỏa thuận nhờ người khác làm giấy kết hôn.

Ngày 27/6/2019, bị cáo có đơn kháng cáo bổ sung. Bị cáo không kêu oan mà yêu cầu cho bị cáo hưởng án cải tạo không giam giữ do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên yêu cầu xin hưởng án cải tạo không giam giữ do gia đình đang gặp khó khăn, cha mẹ lớn tuổi, con còn nhỏ.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm tranh luận:*

Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong thời hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận và đưa ra xét xử là hợp lệ; việc vắng mặt Luật sư không thuộc trường hợp bất khả kháng hay trở ngại khách quan và bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt Luật sư nên Hội đồng xét xử không đồng ý hoãn phiên tòa theo đơn của Luật sư và tiếp tục xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Về nội dung: Hành vi nhờ người khác làm giả giấy chứng nhận kết hôn và sử dụng giấy chứng nhận kết hôn giả để chung sống như vợ chồng với chị L, trong khi bị cáo đang có vợ con hợp pháp, là việc làm trái pháp luật, đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” như án sơ thẩm quyết định. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo là thiếu sót, đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy mức độ thành khẩn còn hạn chế, mặt khác mức hình phạt cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo xét thấy là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS năm 2015, sửa một bản án sơ thẩm về áp dụng thêm điều luật; về hình phạt đề nghị giữ nguyên hình phạt như án sơ thẩm đã tuyên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Luật sư Đặng Văn Nam có đơn xin hoãn phiên tòa, lý do nêu trong đơn là bận dự cung ở vụ án khác không thuộc trường hợp bất khả kháng hay trở ngại khách quan, bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt Luật sư nên Hội

đồng xét xử không đồng ý hoãn phiên tòa theo đề nghị của Luật sư và tiếp tục xét xử vụ án theo qui định tại Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T xác định bị cáo được cấp giấy chứng nhận kết hôn hợp pháp với chị Lý Nhất T, chưa được Tòa án cho ly hôn nhưng lại nhờ đối tượng tên Bảo làm giấy chứng nhận kết hôn giả để chung sống với nhiều người phụ nữ là vi phạm pháp luật nên Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “*Làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức*” là không bị oan, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 10/12/2001, bị cáo và chị Lý Nhất T được Ủy ban dân Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn, từ khi được cấp giấy chứng nhận kết hôn cho đến hôm nay, bị cáo và chị T chưa được Tòa án nào cho ly hôn. Bị cáo xác định, trong thời gian chung sống với chị T thì phát sinh mâu thuẫn nên trong khoảng thời gian năm 2011 đến năm 2015 bị cáo có chung sống với nhiều người phụ nữ như chị Nguyễn Thị Phương Th, Trần Thị D và Đỗ Thị Khánh L. Để hợp thức hóa các mối quan hệ vi phạm chế độ Hôn nhân và Gia đình, bị cáo đã nhờ đối tượng tên B ở bến xe tỉnh Đồng Tháp làm giấy xác nhận độc thân giả để đăng ký kết với chị Nguyễn Thị Phương Th và làm chứng nhận kết hôn giả để được chung sống như vợ chồng với chị Đỗ Thị Khánh L là có xảy ra trên thực tế.

[2.1] Lời khai của bị cáo về việc nhờ đối tượng tên B làm giả giấy chứng nhận kết hôn là phù hợp với Kết luận giám định số: 91/GĐ-2018 ngày 24/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận: Chữ ký tên Đỗ Thị Khánh L, chữ viết tên Đỗ Thị Khánh L không do chị L ký và viết ra; hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG L, TP.B T.BẠC LIÊU” không do cùng một con dấu của Ủy ban nhân dân Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đóng ra (bút lục 75). Cũng tại Biên bản xác minh ngày 07/02/2018 đối với Ủy ban nhân dân Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xác định “ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị Khánh L không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu” và tại Biên bản xác minh ông Huỳnh Trung H (người ký tên cấp giấy chứng nhận kết hôn) ngày 11/02/2019 khẳng định không có ký giấy chứng nhận kết hôn số 067/Q01/2016 ngày 25/4/2016 của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[2.2] Hành vi nhờ người khác làm giả giấy chứng nhận kết hôn nhằm lừa dối chị L và mẹ chị L với mong muốn tiếp tục chung sống hợp pháp với chị L do bị cáo thực hiện nêu trên có đủ yếu tố cấu thành tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” như án sơ thẩm quyết định là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án cải tạo không giam giữ của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính, đến uy tín của các Cơ quan Nhà nước mà còn xâm phạm đến luật Hôn nhân và Gia đình, ảnh hưởng đến đạo đức xã hội nên việc xử

phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo không đủ tính giáo dục, cải tạo cũng như phòng ngừa chung nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Án sơ thẩm cho rằng bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cho bị cáo là không phù hợp vì ở vụ án này, ngay khi được mời làm việc, bị cáo đã làm tờ tự nhận là có nhờ người khác làm giả giấy chứng nhận kết hôn, quá trình điều tra bị cáo chỉ thay đổi là khi làm giả giấy chứng nhận kết hôn có sự thống nhất của chị L nên việc án sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là không phù hợp nên Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm phần này.

[5] Do áp dụng thêm một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật khi bị cáo tự nhận nhận vi phạm pháp luật tại phiên tòa phúc thẩm.

[6] Như đã phân tích, đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bạc Liêu đề nghị giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo nên không được chấp nhận.

[7] Sau khi xét xử sơ thẩm, chị L không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không thể xem xét yêu cầu của chị tại Đơn yêu cầu đề ngày 21/6/2019, vì các nội dung này cấp sơ thẩm đã tách ra thành vụ án dân sự khi chị có yêu cầu.

[8] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2019/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí: Bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo và sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2019/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu về hình phạt.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 267; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b, d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2019/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND TP B (02 bản);
- CQĐT TP. B (01 bản);
- Chi cục THADS TP. B (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Luật sư (01 bản);
- NQLNVLQ (01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

(Đã ký)

**Cao Văn Tám**